

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN DẦU TIẾNG  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 30-12-2021

V/v ly hôn, tranh chấp về  
nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Tuấn Nam.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trương Hữu Bình;

2. Bà Nguyễn Thị Kim Phi.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Ngọc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Bà Đinh Thị Yến – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 324/2021/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2021 về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị Thu T, sinh năm 1997; HKTT: Ấp T, xã M, huyện P, tỉnh Bình Dương.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn L, sinh năm 1991; HKTT: Ấp P, xã M, huyện P, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt đến lần thứ hai không lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Theo đơn xin ly hôn ngày 18/10/2021, quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà T trình bày:**

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà T và ông L chung sống với nhau từ năm 2014. Hôn nhân là tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện P vào ngày 06/9/2014. Thời gian đầu, vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2018-2019,

thì phát sinh mâu thuẫn, bất đồng ý kiến, ông L không lo làm ăn và hai bên đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Thấy mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, vợ chồng không còn tình cảm nên bà T làm đơn xin được ly hôn với ông L.

- *Về con chung*: Có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 04/8/2017. Bà T yêu cầu được nuôi con chung yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi.

- *Về tài sản chung*: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Chứng cứ nguyên đơn bà T giao nộp*: Bản chính đơn xin ly hôn, bản tự khai ngày 18/10/2021; 01 bản chính giấy chứng nhận kết hôn; 01 bản sao giấy khai sinh của con chung.

Ngoài ra, bà T không cung cấp chứng cứ hay ý kiến gì khác.

**\* Bị đơn ông L:**

Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng, niêm yết để ông L tham gia tố tụng nhưng ông L cố tình vắng mặt mà không có lý do nên không thu thập được ý kiến của ông L.

**\* Xác minh và làm việc của Tòa án:**

Ngày 09/11/2021, Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng đã tiến hành xác minh tại nhà bà Trần Thị T (mẹ ông L), xác định: Ông L và bà T đôi khi có cãi nhau, tính tình không hợp nhau nên hơn 01 năm nay đã sống ly thân. Hiện nay, ông L làm nghề gì, thu nhập bao nhiêu thì bà T không rõ.

Ngày 09/11/2021, Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng đã tiến hành xác minh đối với trưởng ấp, xác định: Hiện nay, vợ chồng ông L đã ly thân được gần 02 năm. Nguyên nhân ly hôn: Bất đồng quan điểm, không hợp tính nhau, hay gây gổ cãi nhau. Ngoài ra, ông L còn uống rượu, không lo làm ăn nên bà T muốn ly hôn.

**\* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng có ý kiến:**

Quá trình tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đã thực hiện đầy đủ việc tố tụng các văn bản tố tụng cho các bên đương sự. Tại phiên tòa, đã có mặt nguyên đơn bà T, bị đơn ông L được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không lý do. Việc vắng mặt của bị đơn ông L là cố tình nên đề nghị xét xử vắng mặt đương sự theo các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Không kiến nghị khắc phục, bổ sung các thủ tục tố tụng. Quan hệ pháp luật là tranh chấp ly hôn và nuôi con chung. Đề nghị, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về ly hôn, nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Từ những tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ. Sau khi nghe lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định,

[1] Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, nguyên đơn bà T có mặt, bị đơn ông L đã được triệu tập đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng để bị đơn ông L thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình khi tham gia giải quyết vụ án. Việc bị đơn ông L vắng mặt tại phiên tòa là cố tình nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn bà T khởi kiện tranh chấp ly hôn và nuôi con chung đối với bị đơn ông L, ông L có hộ khẩu thường trú tại ấp P, xã M, huyện P, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng và quan hệ pháp luật tranh chấp là “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Theo đơn xin ly hôn, bà T khởi kiện ly hôn với ông L; yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 04/8/2017, yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng; không tranh chấp về tài sản chung và nợ chung. Quá trình tố tụng, bà T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn, nuôi con chung. Ông L không hợp tác, không tham gia tố tụng giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà T:

[4.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Bà T và ông L chung sống với nhau từ năm 2014, hôn nhân là tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện Dầu Tiếng vào ngày 06/9/2014. Hôn nhân giữa bà T và ông L đã thực hiện đúng thủ tục quy định nên được pháp luật thừa nhận là vợ chồng. Trong thời gian chung sống, bà T và ông L xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do sống chung không hợp, không ai quan tâm, chăm sóc nhau, ông L lại không lo làm ăn; hiện vợ chồng không còn tình cảm, đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông L cố tình vắng mặt, điều này thể hiện bị đơn không có thiện chí hòa giải để hàn gắn tình cảm. Thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà T được ly hôn với ông L theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4.2] *Về con chung*: Trong thời gian chung sống, bà T và ông L có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 04/8/2017. Bà T yêu cầu được nuôi con chung. Xét thấy, cháu A hiện đang ở với mẹ và được chăm sóc tốt, bà T có công việc và thu nhập ổn định nên việc giao cháu An cho bà T nuôi dưỡng là phù hợp.

[4.3] *Về cấp dưỡng*: Bà T yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng. Theo quy định tại khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, thì cha không trực tiếp nuôi con chung có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con chưa thành niên. Ông L không trực tiếp nuôi dưỡng con chung thì phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Căn

cứ vào tình hình thực tế với mức sống trung bình tại địa phương thì mức cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi là phù hợp với khả năng kinh tế của ông L nên được chấp nhận.

[4.4] *Về tài sản chung*: Bà T xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4.5] *Về nợ chung*: Bà T không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng về quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa cũng như nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật.

[6] Bà T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và ông L phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 19, 53, 56, 81, 82, 83, 84, 85, 107 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn, tranh chấp về nuôi con của bà Phạm Thị Thu T đối với ông Nguyễn L.

1.1. *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Phạm Thị Thu T được ly hôn với ông Nguyễn L.

1.2. *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con*: Bà Phạm Thị Thu T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 04/8/2017 cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Ông Nguyễn L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng (*một triệu đồng*) cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Thực hiện cấp dưỡng nuôi con từ tháng 01/2022.

Sau khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông L không thực hiện việc cấp dưỡng nêu trên, thì hàng tháng ông L còn phải chịu tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Hai bên được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom,

chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

1.3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà Phạm Thị Thu T không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

## 2. Về án phí:

- Bà Phạm Thị Thu T phải chịu toàn bộ số tiền 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số: AA/2021/0006831 ngày 18/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Ông Nguyễn L phải chịu số tiền 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

## 3. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án (ngày 30/12/2021).

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp Bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

## **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CC THA DS huyện Dầu Tiếng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Tuấn Nam**